

Nội dung bài viết

1. [Soan Progress review 2 trang 56, 57 lớp 7 Friends plus](#)

## **Soan Progress review 2 trang 56, 57 lớp 7 Friends plus**

**8 (trang 56 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Complete the words (Hoàn thành các từ)

1. In the foreground of the photo, my dad is s-----g o- his mountain bike.
2. My friend Nga is p-----u- a beach ball in this holiday picture.
3. In my favourite funny video, a little boy is j-----g u- with his baby sister.
4. Is Denis k-----g a ball in that old picture?
5. In this photo, a man is h-----g f--- a tree.
6. On the front of this postcard, some people are w-----g o- the beach.
7. My aunt and uncle are c-----g u- a mountain in their holiday video.
8. What are you h-----g in your left hand in that photo?

### **Đáp án:**

1. In the foreground of the photo, my dad is **sitting on** his mountain bike.
2. My friend Nga is **picking up** a beach ball in this holiday picture.
3. In my favourite funny video, a little boy is **jumping up** with his baby sister.
4. Is Denis **kicking** a ball in that old picture?
5. In this photo, a man is **hanging from** tree.
6. On the front of this postcard, some people are **walking on** the beach.
7. My aunt and uncle are **climbing up** a mountain in their holiday video.
8. What are you **holding** in your left hand in that photo?

### **Hướng dẫn dịch:**

1. Ở tiền cảnh của bức ảnh, bố tôi đang ngồi trên chiếc xe đạp leo núi của ông ấy.
2. Bạn Nga của em đang nhặt một quả bóng ở bãi biển trong bức tranh ngày nghỉ này.
3. Trong video hài hước yêu thích của tôi, một cậu bé đang nhảy lên với em gái của mình.
4. Có phải Denis đang đá bóng trong bức ảnh cũ đó không?
5. Trong bức ảnh này, một người đàn ông đang treo trên cây.
6. Ở mặt trước của tấm bưu thiếp này, một số người đang đi dạo trên bãi biển.
7. Dì và chú của tôi  
đang leo lên một ngọn núi trong video kỳ nghỉ của họ.
8. Bạn đang cầm gì trên tay trái trong bức ảnh đó?

**9 (trang 56 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Fill in the blank with one word in the box (Điền vào chỗ trống 1 từ trong khung)



1. The girl made toys from ...
2. The toys were simple, but it was a ... for such a little girl.
3. Some people made ... from old car tires and bottles.
4. ... their business was different, it was meaningful.
5. Their ... seemed to be a success story.

**Đáp án:**

1. ice-cream sticks	2. success	3. decorations
4. Although	5. start-up	

### **Hướng dẫn dịch:**

1. Cô bé làm đồ chơi từ que kem.
2. Những món đồ chơi tuy đơn giản nhưng đối với một cô bé như vậy đã là một thành công.
3. Một số người đã làm đồ trang trí từ vỏ xe hơi cũ và chai lọ.
4. Mặc dù công việc kinh doanh của họ khác nhau, nhưng nó rất có ý nghĩa.
5. Khởi nghiệp của họ dường như là một câu chuyện thành công.

**10 (trang 56 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Write sentences using the affirmative (V) or negative (X) form of the past continuous (Viết câu sử dụng dạng khẳng định (V) hoặc phủ định (X) ở quá khứ tiếp diễn)

1. we / play volleyball / at 10:30 (V)
2. it / rain / yesterday morning (X)
3. you / listen / in class / today (X)
4. the monkeys / hang from a tree (V)
5. I / watch / that film / earlier (X)
6. Thanh / write / a letter / at 5:00 (V)

### **Đáp án:**

1. We were playing play volleyball at 10:30.
2. It wasn't raining yesterday morning.
3. You weren't listening in class today.
4. The monkeys were hanging from a tree.
5. I was watching that film earlier.
6. Thanh was writing a letter at 5:00.

### Hướng dẫn dịch:

1. Chúng tôi đang chơi bóng chuyền lúc 10:30.
2. Sáng hôm qua trời không mưa.
3. Hôm nay bạn không nghe trong lớp.
4. Những con khỉ đã bị treo trên một cái cây.
5. Tôi đã xem bộ phim đó trước đó.
6. Thanh đã viết một bức thư lúc 5:00.

**11 (trang 56 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Listen to the photography teacher speaking to the students. Complete the sentences with adjectives or adverbs. (Nghe giáo viên nhiếp ảnh nói với học sinh. Hoàn thành các câu với tính từ hoặc trạng từ.)

1. So don't forget, you need to hold the camera ... at all times.
2. Always move ... with the camera.
3. When you take photos of people, you need to be very ...
4. It's important to speak to people ... and wait ... until they're ready.
5. Remember to be ... when you take photos of groups of people.
6. The people weren't smiling ... and they weren't standing in one group.

### Đáp án:

1. carefully	2. slowly	3. patient
4. politely – quietly	5. creative	6. happily

### Nội dung bài nghe:

Good morning, everybody, and welcome to your first photography class. First of all, we'll look at the cameras and then start to talk about some photos. Now you've all got a camera in front of you. Remember they are expensive, so don't forget you need to hold the camera carefully at all times, and please don't run around in this class. Always move slowly with the camera. We'll talk more about the cameras a bit later in

the lesson. Now, this week, we're looking at taking photos of groups of people. When you take photos of people, you need to be very patient. It's important to speak to people politely and wait quietly until they're ready. Remember to be creative when you take photos of groups of people. Look at these two photos. I took them from interesting angles. The people weren't smiling happily, and they weren't standing in one group. They were all wearing unusual clothes, and they were looking serious. That make the photos really interesting and very different, too. But it took me about half an hour to take these two photos. Sometimes it takes a long time. People often think photography is easy, but that isn't always true. Don't forget, it's often hard work...

### **Hướng dẫn dịch:**

Chào mọi người buổi sáng tốt lành và chào mừng đến với lớp học nhiếp ảnh đầu tiên của bạn. Trước hết, chúng ta sẽ nói về máy ảnh và sau đó bắt đầu nói về một số bức ảnh. Bây giờ tất cả các bạn đã có một chiếc máy ảnh trước mặt. Hãy nhớ rằng chúng đắt tiền, vì vậy đừng quên bạn luôn phải giữ máy ảnh cẩn thận và vui lòng không chạy lung tung trong lớp học này. Luôn di chuyển chậm với máy ảnh. Chúng ta sẽ nói nhiều hơn về máy ảnh ở phần sau của bài học. Bây giờ, tuần này, chúng ta sẽ nói về việc chụp ảnh các nhóm người. Khi bạn chụp ảnh mọi người, bạn cần phải rất kiên nhẫn. Điều quan trọng là phải nói chuyện với mọi người một cách lịch sự và im lặng đợi cho đến khi họ sẵn sàng. Hãy nhớ sáng tạo khi bạn chụp ảnh nhóm người. Nhìn vào hai bức ảnh này. Tôi đã chụp chúng từ những góc độ thú vị. Mọi người không mỉm cười hạnh phúc và họ không đứng trong một nhóm. Tất cả họ đều mặc những bộ quần áo khác thường, và trông họ rất nghiêm túc. Điều đó làm cho những bức ảnh thực sự thú vị và rất khác biệt. Nhưng tôi mất khoảng nửa tiếng để chụp được hai bức ảnh này. Đôi khi phải mất nhiều thời gian. Mọi người thường nghĩ chụp ảnh thật dễ dàng, nhưng điều đó không phải lúc nào cũng đúng. Đừng quên, nó thường là công việc khó khăn...

**12 (trang 57 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Write past continuous questions. (Viết các câu hỏi quá khứ tiếp diễn)

1. (your dad / smile) in the holiday photo?
2. Where (they / go) when I saw them yesterday?
3. (it / rain) on the first day of the trip?
4. (we / visit) Rome this time last week?
5. Who (you / sit) next to on the plane?

6. What (she / say) about the trip earlier?

**Đáp án:**

1. Was your dad smiling in the holiday photo?
2. Where were they going when I saw them yesterday?
3. Was it raining on the first day of the trip?
4. Were we visiting Rome this time last week?
5. Who were you sitting next to on the plane?
6. What was she saying about the trip earlier?

**Hướng dẫn dịch:**

1. Bố của bạn có cười trong bức ảnh ngày lễ không?
2. Họ đã đi đâu khi tôi nhìn thấy họ ngày hôm qua?
3. Ngày đầu tiên của chuyến đi có mưa không?
4. Chúng ta đã đến thăm Rome vào thời điểm này vào tuần trước?
5. Bạn đã ngồi cạnh ai trên máy bay?
6. Cô ấy đã nói gì về chuyến đi trước đó?

**13 (trang 57 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Complete the sentences using the past continuous or past simple form of the verbs. (Hoàn thành các câu bằng cách sử dụng dạng quá khứ tiếp diễn hoặc quá khứ đơn của động từ.)

1. We (eat) in a restaurant in Hollywood when we (see) that famous film star.
2. Hoa (lose) camera while she (travel) in South America.
3. It (snow) when they (arrive) in Paris.
4. They (stop) in Oxford while they (drive) across the UK.
5. He (walk) through the museum when he (meet) an old friend.

6. You (take) a wonderful photo while we (stay) in Egypt.

**Đáp án:**

1. We **were eating** in a restaurant in Hollywood when we **saw** that famous film star.

2. Hoa **lost** camera while she **was travelling** in South America.

3. It **was snowing** when they **arrived** in Paris.

4. They **stopped** in Oxford while they **were driving** across the UK.

5. He **was walking** through the museum when he **met** an old friend.

6. You **took** a wonderful photo while we **were staying** in Egypt.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Chúng tôi đang ăn trong một nhà hàng ở Hollywood thì nhìn thấy ngôi sao điện ảnh nổi tiếng đó.

2. Hoa bị mất máy ảnh khi cô ấy đang đi du lịch ở Nam Mỹ.

3. Trời đổ tuyết khi họ đến Paris.

4. Họ dừng lại ở Oxford khi đang lái xe trên khắp Vương quốc Anh.

5. Anh ấy đang đi bộ qua viện bảo tàng thì gặp một người bạn cũ.

6. Bạn đã chụp một bức ảnh tuyệt vời khi chúng tôi ở lại Ai Cập.

**14 (trang 57 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Complete the dialogue then practise with your partner. (Hoàn thành đoạn hội thoại sau đó thực hành với bạn của bạn.)

That's really kind of you.  
What do you think of it?  
I was standing on the beach.  
I'm impressed.  
But what were those guys doing?

Paul: Did you take this photo, Vicky?

Vicky: Yes. (1)

Paul: It's a fantastic photo. (2)

Vicky: They were jumping to the sea from a big rock.

Paul: Really? Where were you when you took it?

Vicky: (3)

Paul: Did you have a go?

Vicky: You're kidding.

Paul: Well, it's an amazing photo. (4)

Vicky: (5). Thanks.

**Đáp án:**

1. What do you think of it?
2. But what were those guys doing?
3. I was standing on the beach.
4. I'm impressed.
5. That's really kind of you.



**Hướng dẫn dịch:**

Vicky: Vâng. Bạn nghĩ gì về nó?

Paul: Đó là một bức ảnh tuyệt vời. Nhưng những người đó đang làm gì?

Vicky: Họ đang nhảy xuống biển từ một tảng đá lớn.

Paul: Thật không? Bạn đã ở đâu khi bạn lấy nó?

Vicky: Tôi đang đứng trên bãi biển.

Paul: Bạn có đi không?

Vicky: Đùa đấy.

Paul: Chà, đó là một bức ảnh tuyệt vời. Tôi rất ấn tượng.

Vicky: Bạn thực sự tốt bụng. Cảm ơn.

**15 (trang 57 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Put the paragraphs in the suitable order. (Đặt các đoạn văn theo thứ tự phù hợp.)

A. After a few minutes, the horse started to eat some food.

B. As soon as possible, some rescuers came and helped the horse out of the river.

C. I took this interesting photo while I was staying with my aunt last April. It was an amazing rescue.

D. They were looking at something in the water. It was a horse. It wasn't moving much, but it was alive. It was standing in the river and it couldn't get out.

E. It happened when while we were visiting a small village. We were walking along near the river when we saw a group of people. I can write a description of an event using linking words.

**Đáp án:**

C – E – D – B – A

**Hướng dẫn dịch:**

C. Tôi đã chụp bức ảnh thú vị này khi tôi đang ở với dì của tôi vào tháng 4 năm ngoái. Đó là một cuộc giải cứu đáng kinh ngạc.

E. Chuyện xảy ra khi chúng tôi đến thăm một ngôi làng nhỏ. Chúng tôi đang đi bộ dọc theo sông thì thấy một nhóm người. Tôi có thể viết mô tả về một sự kiện bằng các từ liên kết.

D. Họ đang nhìn thứ gì đó dưới nước. Đó là một con ngựa. Nó không di chuyển nhiều, nhưng nó vẫn sống. Nó đang đứng dưới sông và nó không thể thoát ra được.

A. Sau một vài phút, con ngựa bắt đầu ăn một số thức ăn.

B. Ngay khi có thể, một số người cứu hộ đã đến và giúp con ngựa ra khỏi sông.